

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI BẮNG GIANG
CAO BẰNG - VIMICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 26

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
DU LỊCH VÀ
THƯƠNG
MẠI BẮNG
GIANG CAO
BẰNG -
VIMICO**

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ
THƯƠNG MẠI BẮNG GIANG
CAO BẰNG - VIMICO
DN: C=VN, S=CAO BẰNG,
L=TP.Cao Bằng, CN=CÔNG
TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ
THƯƠNG MẠI BẮNG GIANG
CAO BẰNG - VIMICO,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.
1=MST:4800130044
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location
here
Date: 2023.08.10 14:13:
10+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.0

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - Vimico trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - Vimico (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Khách sạn Bằng Giang được thành lập theo Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 19 tháng 03 năm 2008 của UBND Tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Khách sạn Bằng Giang thành Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - Vimico được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4800130044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02 tháng 12 năm 2021.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 02 tháng 12 năm 2021, Vốn điều lệ là 18.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười tám tỷ đồng*).

Địa chỉ Trụ sở chính: Số 001, Phố Kim Đồng, Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sàn UPCOM từ ngày 16/03/2021. Mã giao dịch: BCV.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Viên	Chủ tịch
Bà Nông Thị Thúy	Thành viên
Ông Lê Văn Huyền	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 06/06/2023)
Ông Vương Văn Hường	Thành viên
Ông Đỗ Văn Thắng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 06/06/2023)
Ông Lâm Đức Xuân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 06/06/2023)

Ban Kiểm soát

Bà Nông Thị Thuý Trang	Trưởng ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 06/06/2023)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Trưởng ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 06/06/2023)
Bà Đào Thị Vân Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Lệnh An	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 06/06/2023)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Nông Thị Thúy	Giám đốc
Ông Dương Quốc Thái	Kế toán trưởng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nông Thị Thúy
Giám đốc

Cao Bằng, ngày 08 tháng 8 năm 2023

Số: 174/2023/BCSX-CPA VIETNAM-NVI

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc****Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - Vimico**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - Vimico được lập ngày 08/8/2023, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - Vimico tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 4 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30/6/2023, Lũy kế của Công ty là (4.888.981.418) đồng. Trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ với số tiền 387.648.660 đồng và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm (160.227.271) đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc tiếp tục nhận được cung cấp tài chính từ các tổ chức tín dụng cũng như các cổ đông, nhà đầu tư và nguồn thu từ hoạt động kinh doanh trong tương lai. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Vấn đề trên không ảnh hưởng đến kết luận của chúng tôi.



Bùi Thị Thúy

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		4.409.863.150	4.846.068.847
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.787.110.684	3.040.676.896
1. Tiền	111		761.959.999	3.040.676.896
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.025.150.685	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.394.965.185	1.086.969.808
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	1.270.013.710	966.776.008
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	181.642.475	176.884.800
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(56.691.000)	(56.691.000)
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	193.647.058	192.900.428
1. Hàng tồn kho	141		193.647.058	192.900.428
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.140.223	525.521.715
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	17.072.090	19.408.604
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.714.374	10.792.555
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	5.7	5.353.759	495.320.556
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+ 240+250+260)	200		15.078.558.461	15.104.376.823
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		13.795.929.832	14.588.943.430
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	13.795.929.832	14.588.943.430
- Nguyên giá	222		45.545.442.385	45.532.442.385
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.749.512.553)	(30.943.498.955)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.282.628.629	515.433.393
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	1.282.628.629	515.433.393
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		19.488.421.611	19.950.445.670

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		5.646.625.591	5.721.000.990
I. Nợ ngắn hạn	310		3.430.947.237	3.636.989.764
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	1.573.862.833	1.767.183.471
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	12.890.000	51.750.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.7	715.708.782	347.759.528
4. Phải trả người lao động	314		122.869.432	264.519.436
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	252.589	2.045.325
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.12	687.125.021	974.132.590
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	137.481.612	69.822.446
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	139.089.996	139.089.996
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		41.666.972	20.686.972
II. Nợ dài hạn	330		2.215.678.354	2.084.011.226
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.12	851.121.172	649.909.046
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	1.276.169.667	1.276.169.667
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	88.387.515	157.932.513
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		13.841.796.020	14.229.444.680
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	13.841.796.020	14.229.444.680
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.000.000.000	18.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.000.000.000	18.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		730.777.438	730.777.438
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.888.981.418)	(4.501.332.758)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(4.501.332.758)	(5.152.326.671)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(387.648.660)	650.993.913
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		19.488.421.611	19.950.445.670

Cao Bằng, ngày 08 tháng 8 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc







Lục Thị Yến

Dương Quốc Thái

Nông Thị Thúy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	5.436.369.457	4.004.458.579
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		5.436.369.457	4.004.458.579
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	4.381.178.880	3.595.139.471
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		1.055.190.577	409.319.108
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	26.206.057	722.880
7. Chi phí tài chính	22	6.4	16.468.173	22.926.875
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.468.173	22.926.875
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	1.631.863.390	1.381.125.559
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(566.934.929)	(994.010.446)
11. Thu nhập khác	31	6.6	261.313.636	803.470.909
12. Chi phí khác	32	6.6	82.027.367	8.049.124
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		179.286.269	795.421.785
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(387.648.660)	(198.588.661)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(387.648.660)	(198.588.661)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	215,4	110,3

Người lập



Lục Thị Yên

Kế toán trưởng



Dương Quốc Thái

Cao Bằng, ngày 08 tháng 8 năm 2023

Giám đốc



Nông Thị Thúy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(387.648.660)	(198.588.661)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		843.013.598	840.513.602
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(26.206.057)	(722.880)
- Chi phí lãi vay	06		16.468.173	22.926.875
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		445.627.054	664.128.936
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		181.049.601	(304.834.239)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(746.630)	(17.823.868)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(5.901.301)	(1.040.382.118)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(764.858.722)	233.602.929
- Tiền lãi vay đã trả	14		(16.710.909)	(22.493.761)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		282.293.636	795.080.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(280.980.000)	(886.091.124)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(160.227.271)	(578.813.245)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(50.000.000)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.206.057	722.880
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(23.793.943)	722.880
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(69.544.998)	(115.662.498)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(69.544.998)	(115.662.498)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(253.566.212)	(693.752.863)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	3.040.676.896	1.531.707.803
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	5.1	2.787.110.684	837.954.940

Cao Bằng, ngày 08 tháng 8 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lục Thị Yến

Dương Quốc Thái

Nông Thị Thúy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng – Vimico tiền thân là Khách sạn Bằng Giang được thành lập theo Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2008 của UBND Tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Khách sạn Bằng Giang thành Công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng – Vimico được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4800130044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 01 tháng 9 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02 tháng 12 năm 2021.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 02 tháng 12 năm 2021, Vốn điều lệ của Công ty là 18.000.000.000 đồng (*Mười tám tỷ đồng*).

Địa chỉ Trụ sở chính: Số 001, Phố Kim Đồng, Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sàn UpCOM từ ngày 16/03/2021. Mã chứng khoán: BCV.

Số lao động của Công ty tại ngày 30/06/2023 là 26 người (Tại ngày 01/01/2023 là 26 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Kinh doanh khách sạn;
- Kinh doanh nhà hàng, ăn uống và giải khát;
- Kinh doanh lữ hành nội địa và lữ hành quốc tế;
- Kinh doanh thương mại.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là dịch vụ khách sạn, nhà hàng, ăn uống.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường: Chu kỳ hoạt động kinh doanh là 12 tháng.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ và ghi sổ bằng máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định về hoạt động liên tục

Tại ngày 30/6/2023, Lũy kế của Công ty là (4.888.981.418) đồng. Trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ với số tiền 387.648.660 đồng và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm (160.227.271) đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc tiếp tục nhận được cung cấp tài chính từ các tổ chức tín dụng cũng như các cổ đông, nhà đầu tư và nguồn thu từ hoạt động kinh doanh trong tương lai. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định năm 2023 đại dịch Covid 19 mặc dù giảm nhưng người dân vẫn còn tâm lý e ngại dịch bệnh cùng với sự khó khăn chung của nền kinh tế như lạm phát hoạt động Sản xuất kinh doanh tiếp tục khó khăn, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã thực hiện đánh giá vấn đề này và xây dựng Phương án khắc phục, bao gồm:

- Về kinh doanh hoàn thiện, duy trì và nâng cao chất lượng các dịch vụ thế mạnh của Công ty, tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động marketing sau khi hết dịch bệnh, tích cực quảng bá thương hiệu nhằm đẩy mạnh và nâng cao năng lực cạnh tranh;
- Xem xét khả năng huy động vốn, tìm kiếm đối tác chiến lược thông qua thị trường chứng khoán;
- Về công tác quản trị: Nâng cao kỹ năng quản trị tài chính, quản trị nguồn nhân lực của đội ngũ lãnh đạo Công ty, thực hiện triệt để chủ trương tiết kiệm tránh thất thoát lãng phí, giảm thiểu các chi phí tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh... để đảm bảo thực hiện kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023.

Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền: Bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Thời gian khấu hao

(Số năm)

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng và chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước của Công ty được phân bổ vào chi phí sản xuất theo phương pháp đường thẳng, với thời gian phân bổ không quá 12 tháng và 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện của Công ty là doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp hàng hóa dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ. Chi phí tài chính của Công ty là chi phí đi vay.

Chi phí đi vay: Ghi nhận căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất 20%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ nhà hàng khách sạn và trong lãnh thổ Việt Nam, do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	116.425.059	274.403.528
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	645.534.940	2.766.273.368
Các khoản tương đương tiền (*)	2.025.150.685	-
Tổng	2.787.110.684	3.040.676.896

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Cao Bằng, lãi suất 5.1%/năm.

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	1.270.013.710	966.776.008
Sở Tài chính Cao Bằng	-	62.276.000
Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng	14.940.000	40.500.000
Hội cựu chiến binh tỉnh Cao Bằng	-	92.500.000
Chi cục phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng	-	74.500.000
Lê Thị Hồng Xuyên	205.000.000	-
Tổng Công ty Khoáng sản TKV-CTCP	316.425.000	39.718.000
Các đối tượng khác	733.648.710	657.282.008
Tổng	1.270.013.710	966.776.008
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	527.660.501	135.575.000

(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.3 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	181.642.475	-	176.884.800	-
Tạm ứng	2.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ (i)	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty du lịch Á Châu	75.000.000	-	75.000.000	-
Các khoản khác	4.642.475	-	1.884.800	-
Tổng	181.642.475	-	176.884.800	-

(i) Ký quỹ lý hành quốc tế Ngân hàng BIDV.

5.4 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	56.691.000	-	56.691.000	-
Tên Công ty				Quá hạn trên 3 năm
Công ty Đầu tư và Phát triển miền núi				19.177.000
Công ty Liên minh người dùng				37.514.000
Tổng				56.691.000

5.5 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	57.143.648	-	72.700.241	-
Công cụ, dụng cụ	84.036.687	-	59.994.466	-
Hàng hoá	52.466.723	-	60.205.721	-
Tổng	193.647.058	-	192.900.428	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.6 Chi phí trả trước

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	17.072.090	19.408.604
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	17.072.090	19.408.604
Dài hạn	1.282.628.629	515.433.393
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.282.628.629	515.433.393
Tổng	1.299.700.719	534.841.997

5.7 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2023
Phải nộp	347.759.528	1.664.390.550	1.305.441.296	715.708.782
Thuế giá trị gia tăng	341.259.528	850.170.318	793.975.924	397.453.922
Thuế thu nhập cá nhân	-	8.254.575	2.998.575	5.256.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	802.965.657	498.966.797	312.998.860
Các loại thuế khác	6.500.000	3.000.000	9.500.000	-

	01/01/2023	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	30/06/2023
Phải thu	495.320.556	(489.966.797)	-	5.353.759
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	5.353.759	-	-	5.353.759
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	489.966.797	(489.966.797)	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.8 Tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng	Đơn vị tính: VND
Số dư tại 01/01/2023	39.165.191.828	5.398.513.416	546.812.349	76.363.636	345.561.156	45.532.442.385	
Tăng trong kỳ	-	-	-	50.000.000	-	50.000.000	
Mua trong kỳ	-	-	-	50.000.000	-	50.000.000	
Giảm trong kỳ	-	-	-	(37.000.000)	-	(37.000.000)	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(37.000.000)	-	(37.000.000)	
Số dư tại 30/06/2023	39.165.191.828	5.398.513.416	546.812.349	89.363.636	345.561.156	45.545.442.385	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại 01/01/2023	25.410.730.679	4.564.031.135	546.812.349	76.363.636	345.561.156	30.943.498.955	
Tăng trong kỳ	519.196.642	321.316.956	-	2.500.000	-	843.013.598	
Khấu hao trong kỳ	519.196.642	321.316.956	-	2.500.000	-	843.013.598	
Giảm trong kỳ	-	-	-	(37.000.000)	-	(37.000.000)	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(37.000.000)	-	(37.000.000)	
Số dư tại 30/06/2023	25.929.927.321	4.885.348.091	546.812.349	41.863.636	345.561.156	31.749.512.553	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số dư tại 01/01/2023	13.754.461.149	834.482.281	-	-	-	14.588.943.430	
Số dư tại 30/06/2023	13.235.264.507	513.165.325	-	47.500.000	-	13.795.929.832	

Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30/6/2023: 13.235.264.501 đồng (tài ngày 31/12/2022: 13.754.461.169 đồng).

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2023: 5.126.789.205 đồng (Tại ngày 31/12/2022: 5.163.789.206 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.9 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	1.573.862.833	1.573.862.833	1.767.183.471	1.767.183.471
Nguyễn Thị Dung	147.963.521	147.963.521	228.233.390	228.233.390
Trần Thanh Hải	40.411.448	40.411.448	104.514.552	104.514.552
Đinh Thị Huệ	628.806.500	628.806.500	701.371.546	701.371.546
Đối tượng khác	756.681.364	756.681.364	733.063.983	733.063.983
Tổng	1.573.862.833	1.573.862.833	1.767.183.471	1.767.183.471

5.10 Người mua trả tiền trước

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	12.890.000	51.750.000
Trung tâm hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa phía bắc	-	33.600.000
Hoàng Văn Hùng	5.040.000	-
Nguyễn Mạnh Hùng	5.000.000	-
Đối tượng khác	2.850.000	18.150.000
Tổng	12.890.000	51.750.000

5.11 Chi phí phải trả

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	252.589	2.045.325
Trích trước chi phí viễn thông	-	1.550.000
Chi phí lãi vay	252.589	495.325
Tổng	252.589	2.045.325

5.12 Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	687.125.021	974.132.590
Doanh thu cho thuê mặt bằng	687.125.021	974.132.590
b) Dài hạn	851.121.172	649.909.046
Doanh thu cho thuê mặt bằng	851.121.172	649.909.046
Tổng	1.538.246.193	1.624.041.636

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.13 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/06/2023			Phát sinh trong năm			01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay dài hạn đến hạn trả	139.089.996	139.089.996		69.544.998	69.544.998	139.089.996	139.089.996	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng	139.089.996	139.089.996		69.544.998	69.544.998	139.089.996	139.089.996	
Vay dài hạn	88.387.515	88.387.515		-	69.544.998	157.932.513	157.932.513	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng	88.387.515	88.387.515		-	69.544.998	157.932.513	157.932.513	
Tổng	227.477.511	227.477.511		69.544.998	139.089.996	297.022.509	297.022.509	

Thông tin về các khoản vay

Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Cao Bằng:

Dài hạn:

Hợp đồng tín dụng 314.2020/HĐCVTL/NHCT186-CTCP DL&TM BGCB-VIMICO ngày 16/9/2020, Số tiền 260.000.000 đồng thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay điều chỉnh theo từng thời kỳ, hợp đồng thế chấp tài sản số 109.2017/HĐTC-PBL thế chấp khách sạn Bằng Giang.

Hợp đồng tín dụng 319.2019/HĐCVTL/NHCT186-HĐCVTL/NHCT186-CTCP DL&TM BGCB-VIMICO ngày 30/8/2019, số tiền 258.000.000 đồng thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay điều chỉnh theo từng thời kỳ, tài sản đảm bảo theo HĐ 109 thế chấp khách sạn Bằng Giang.

Hợp đồng tín dụng 331.2017/HĐCVTL/NHCT186-BANGGIANG ngày 10/10/2017, số tiền 461.175.000 đồng thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay điều chỉnh theo từng thời kỳ, không có tài sản đảm bảo.

Hợp đồng tín dụng 435.2019/-HĐCVTL/NHCT186-CTCP DL&TM BGCB-VIMICO ngày 19/11/2019, Số tiền vay 177.450.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay điều chỉnh theo từng thời kỳ, tài sản đảm bảo theo HĐ 109 thế chấp khách sạn Bằng Giang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.14 Phải trả khác

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	137.481.612	69.822.446
Kinh phí công đoàn	2.389.259	4.964.573
Bảo hiểm xã hội;	36.356.370	-
Bảo hiểm y tế	6.415.830	-
Bảo hiểm thất nghiệp	2.851.480	-
Các khoản phải trả khác	89.468.673	64.857.873
Dài hạn	1.276.169.667	1.276.169.667
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (i)	300.000.000	300.000.000
Ngân hàng Agribank CN Cao Bằng (Lãi vay đầu tư xây dựng khách sạn Bằng Giang)	976.169.667	976.169.667
Tổng	1.413.651.279	1.345.992.113

(i) ký quỹ tiền thuê mặt bằng.

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2022	18.000.000.000	730.777.438	(5.152.326.671)	13.578.450.767
Tăng trong năm	-	-	650.993.913	650.993.913
Lãi trong năm trước	-	-	650.993.913	650.993.913
Giảm trong năm	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	18.000.000.000	730.777.438	(4.501.332.758)	14.229.444.680
Số dư tại 01/01/2023	18.000.000.000	730.777.438	(4.501.332.758)	14.229.444.680
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	(387.648.660)	(387.648.660)
Lỗ trong năm	-	-	(387.648.660)	(387.648.660)
Số dư tại 30/06/2023	18.000.000.000	730.777.438	(4.888.981.418)	13.841.796.020

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Tổng Công ty Khoáng sản - TKV	9.235.000.000	9.235.000.000
Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng	7.516.000.000	7.516.000.000
Cổ đông khác	1.249.000.000	1.249.000.000
Tổng	18.000.000.000	18.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	18.000.000.000	18.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 6	18.000.000.000	18.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/06/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.800.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.800.000	1.800.000
Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.800.000	1.800.000
Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	730.777.438	730.777.438

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.436.369.457	3.827.781.106
Doanh thu bán hàng hóa	-	176.677.473
Tổng	5.436.369.457	4.004.458.579
Doanh thu với các bên liên quan <i>(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)</i>	1.065.507.729	367.972.896

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.2 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	4.381.178.880	3.426.875.211
Giá vốn hàng bán	-	168.264.260
Tổng	4.381.178.880	3.595.139.471

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Lãi tiền gửi	26.206.057	722.880
Tổng	26.206.057	722.880

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Chi phí lãi vay	16.468.173	22.926.875
Tổng	16.468.173	22.926.875

6.5 chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.631.863.390	1.381.125.559
Chi phí nhân viên quản lý	542.503.875	410.412.703
Chi phí đồ dùng văn phòng	14.690.805	17.114.299
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.500.000	-
Chi phí tiền thuê đất, thuế môn bài	833.256.998	833.256.998
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.392.714	26.629.319
Chi phí bằng tiền khác	191.518.998	93.712.240

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.6 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Thu nhập khác		
Tiền hỗ trợ người lao động từ Tổng Công ty Khoáng sản TKV-CTCP	260.000.000	795.080.000
Thu nhập khác	1.313.636	8.390.909
Tổng	261.313.636	803.470.909
Chi phí khác		
Phạt chậm nộp thuế và Bảo hiểm xã hội	7.367	1.029.124
Chi phí khác	82.020.000	7.020.000
Tổng	82.027.367	8.049.124
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	179.286.269	795.421.785

6.7 Thuế Thu nhập doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(387.648.660)	(198.588.661)
Các khoản điều chỉnh tăng	82.027.367	1.029.124
<i>chi phí không được trừ</i>	82.027.367	1.029.124
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(305.621.293)	(197.559.537)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Tổng	-	-

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(387.648.660)	(198.588.661)
Các khoản điều chỉnh (i)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(387.648.660)	(198.588.661)
Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	1.800.000	1.800.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.800.000	1.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(215,4)	(110,3)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a. Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Các doanh nghiệp liên quan

Tổng Công ty Khoáng sản TKV-CTCP
Công ty CP Khoáng sản và Luyện Kim Cao Bằng
Công ty CP Gang thép Cao Bằng
Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai
Công ty CP Khoáng sản 3
Công ty CP Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico
Tỉnh uỷ Cao Bằng

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cổ đông lớn

Và các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát tham gia điều hành quản lý Công ty trong kỳ (chi tiết tại báo cáo Ban Giám đốc trang 2-3 của Báo cáo tài chính) và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này.

b. Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022
		VND	VND
Hội đồng Quản trị	Thù lao	52.200.000	19.440.000
Ông Nguyễn Văn Viên	Thù lao	14.400.000	4.320.000
Bà Nông Thị Thúy	Thù lao	12.600.000	3.780.000
Ông Lê Văn Huyền	Thù lao	-	3.780.000
Ông Vương Văn Hường	Thù lao	12.600.000	3.780.000
Ông Đỗ Văn Thắng	Thù lao	-	3.780.000
Ông Lâm Đức Xuân	Thù lao	12.600.000	-
Ban kiểm soát		35.400.000	10.620.000
Bà Nông Thị Thuý Trang	Thù lao	-	3.780.000
Bà Đào Thị Vân Anh	Thù lao	11.400.000	3.420.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thù lao	12.600.000	3.420.000
Ông Nguyễn Lệnh An	Thù lao	11.400.000	-
Ban Giám đốc	Lương	57.500.000	57.500.000
Bà Nông Thị Thúy	Lương	57.500.000	57.500.000
Tổng		145.100.000	87.560.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022 VND
Mua hàng		19.530.909	24.225.993
Công ty CP khoáng sản & luyện kim Cao Bằng	Mua hàng hóa	19.530.909	24.225.993
Bán hàng		1.065.507.729	367.972.896
Tổng Công ty Khoáng sản TKV- CTCP	Cung cấp dịch vụ	847.022.728	102.996.633
Công ty CP Khoáng sản và Luyện Kim Cao Bằng	Cung cấp dịch vụ	26.272.728	32.302.727
Công ty CP Gang thép Cao Bằng	Cung cấp dịch vụ	192.212.273	232.673.536

d. Số dư với bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng		527.660.501	135.575.000
Tổng Công ty Khoáng sản TKV- CTCP	Cung cấp dịch vụ	316.425.000	39.718.000
Công ty CP Khoáng sản và Luyện Kim Cao Bằng	Cung cấp dịch vụ	58.905.001	51.489.000
Công ty CP Gang thép Cao Bằng	Cung cấp dịch vụ	137.390.500	3.868.000
Tỉnh ủy Cao Bằng	Cung cấp dịch vụ	14.940.000	40.500.000

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập



Lục Thị Yến

Kế toán trưởng



Dương Quốc Thái

Cao Bằng, ngày 08 tháng 8 năm 2023

Giám đốc



Nông Thị Thúy